

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đạt Phương.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Q Thắng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị V; Sinh năm: 1985; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng A; sinh năm: 1981; (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 18 tháng 7 năm 2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường

B, thị xã Sóc Trăng nay là thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12; đăng ký ngày 15/01/2003. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay Bà Hồ Thị V, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 và Nguyễn Anh Q, nam, sinh ngày: 16/01/2009. Sau khi ly hôn, bà V yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Anh Q, cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q đang sống cùng với ông Nguyễn Hoàng A tại đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay bà Hồ Thị V đang đi làm công nhân ở Long An, thu nhập vẫn chưa ổn định nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tùy khả năng kinh tế mà hàng tháng bà Hồ Thị V sẽ gửi tiền phụ ông Nguyễn Hoàng A chăm lo cho con.

Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà Hồ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung bà Hồ Thị V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng A: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông Hoàng A không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Anh Q ngày 22/8/2022, cháu Q trình bày: Cháu là con ruột của bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Hoàng A, cháu vừa học xong lớp 7, chuẩn bị vào lớp 8, trường Trung học cơ sở L, thành phố S. Hiện nay, cháu Q đang sống cùng với cha là ông Nguyễn Hoàng A tại đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nay cha mẹ cháu ly hôn thì cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với cha là Nguyễn Hoàng A, cháu Q không có ý kiến cũng như yêu cầu về việc mẹ cháu là Hồ Thị V phải cấp dưỡng nuôi cháu.

- Tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Hồ Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng A không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân cho ly hôn giữa bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Hoàng A; Về con chung, giao con chung tên Nguyễn Anh Q cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, bà Hồ Thị V không cấp dưỡng nuôi cháu Q. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 đã trưởng thành, bà Hồ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung bà V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung bà V trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Hồ Thị V khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Hoàng A; cư trú: đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Hoàng A chung sống với nhau và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12, Quyền 01; đăng ký ngày

15/01/2003. Tại thời điểm kết hôn bà V và ông Hoàng A đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông, bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, ông bà có thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà V cho rằng nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ 02 (hai) lần nhưng ông Hoàng A vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”* và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

Như vậy, theo quy định trên thì bà V và ông Hoàng A đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Hồ Thị V yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng A là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: bà Hồ Thị V trình bày, ông bà có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 và Nguyễn Anh Q, nam, sinh ngày: 16/01/2009. Sau khi ly hôn, bà Hồ Thị V yêu cầu giao con chung tên Nguyễn Anh Q, cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Hồ Thị V không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà Hồ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Hồ Thị V hiện nay đang làm Công nhân ở tỉnh L, còn cháu Nguyễn Anh Q đang do ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng tại đường N, Khóm B, Phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cháu được đi học đầy đủ và chăm sóc tốt, cuộc sống của cháu đang ổn định. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Anh Q ngày 22/8/2022,

cháu Q có nguyện vọng được sống cùng với ông Nguyễn Hoàng A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị V, giao cháu Nguyễn Anh Q cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Do đó, bà Hồ Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà Hồ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*. Theo quy định này thì bà Hồ Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Q. Tuy nhiên, bà V trình bày, bà đang đi làm công nhân ở tỉnh L, thu nhập vẫn chưa ổn định nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con nên không cấp dưỡng nuôi con và ông Nguyễn Hoàng A không có ý kiến cũng như yêu cầu gì về việc bà V phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về nợ chung: Bà Hồ Thị V tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn bà Hồ Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị V.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị V và ông Nguyễn Hoàng A.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Anh Q, nam, sinh ngày: 16/01/2009 cho ông Nguyễn Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Hồ Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị V không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với con chung tên Nguyễn Ngọc Huyền T, nữ, sinh ngày: 19/10/2003 đã trưởng thành và có gia đình riêng, bà Hồ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Hồ Thị V trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Hồ Thị V tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Hồ Thị V phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000631, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Hồ Thị V đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TPST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng